

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 85/2017/DS-ST

Ngày: 29/8/2017

V/v tranh chấp hụi

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B - TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Công Chiến

2. Bà Trần Ngọc Diệp

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Diễm Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B

Ngày 25/8/2017 tại phòng xét xử Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 164/2017/TLST-DS ngày 06 tháng 6 năm 2017 về việc “Tranh chấp hụi”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 106/2017/QĐST- DS ngày 21/7/2017. Giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Tô Thị Xuân M, sinh năm 1954. (có mặt)

Nơi cư trú: khu phố 4, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Mỹ H, sinh năm 1972 (vắng mặt)

Nơi cư trú: khu phố 4, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Bảo Q, sinh năm 1976.

Nơi cư trú: ấp Bình An B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bến Tre (văn bản ủy quyền ngày 03/7/2017) (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/5/2017, bản tự khai cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Tô Thị Xuân M trình bày:

Vào năm 2015 và năm 2016, bà M có tham gia các dây hụi do bà Nguyễn Mỹ H làm chủ hụi, bà tham gia nhiều lần và nhiều dây hụi khác nhau, tổng cộng 18 dây hụi, bà tham gia 45 phần cụ thể như sau :

- Hụi 2.000.000 đồng, khai hụi ngày 05/01/2015 (âm lịch), gồm 24 phần bà M tham gia 01 phần, số tiền đã đóng cho bà H là 47.000.000 đồng.
- Hụi 5.000.000 đồng, khai hụi ngày 08/01/2015 (âm lịch), gồm 22 phần bà M tham gia 01 phần, số tiền đã đóng cho bà H là 105.000.000 đồng.
- Hụi 2.000.000 đồng, khai hụi ngày 10/9/2015 (âm lịch), gồm 24 phần bà M tham gia 01 phần, số tiền đã đóng cho bà H là 47.000.000 đồng.
- Hụi 5.000.000 đồng, khai hụi ngày 28/9/2015 (âm lịch), gồm 24 phần bà M tham gia 04 phần, số tiền đã đóng cho bà H là 335.800.000 đồng.
- Hụi 1.000.000 đồng, khai hụi ngày 01/10/2015 (âm lịch), gồm 24 phần, bà M tham gia 04 phần, số tiền đã đóng cho bà H là 67.680.000 đồng
- Hụi 3.000.000 đồng, khai hụi ngày 10/11/2015 (âm lịch), gồm 24 phần bà M tham gia 03 phần, số tiền đã đóng cho bà H là 206.000.000 đồng.
- Hụi 2.000.000 đồng, khai hụi ngày 05/11/2015 (âm lịch), gồm 25 phần bà M tham gia 01 phần, số tiền đã đóng cho bà H là 48.000.000 đồng.
- Hụi 2.000.000 đồng, khai hụi ngày 15/9/2015 (âm lịch), gồm 25 phần bà M tham gia 02 phần, số tiền đã đóng cho bà H là 96.000.000 đồng.
- Hụi 2.000.000 đồng, khai hụi ngày 15/11/2015 (âm lịch), gồm 24 phần bà M tham gia 02 phần, số tiền đã đóng cho bà H là 94.000.000 đồng.
- Hụi 2.000.000 đồng, khai hụi ngày 05/02/2016 (âm lịch), gồm 24 phần bà M tham gia 03 phần, số tiền đã đóng cho bà H là 123.700.000 đồng.
- Hụi 2.000.000 đồng, khai hụi ngày 05/04/2016 (âm lịch), gồm 22 phần bà M tham gia 03 phần, số tiền đã đóng cho bà H là 81.400.000 đồng.
- Hụi 3.000.000 đồng, khai hụi ngày 10/01/2016 (âm lịch), gồm 24 phần bà M tham gia 01 phần, số tiền đã đóng cho bà H là 60.100.000 đồng.
- Hụi 2.000.000 đồng, khai hụi ngày 10/6/2016 (âm lịch), gồm 25 phần bà M tham gia 02 phần, số tiền đã đóng cho bà H là 67.400.000 đồng.
- Hụi 2.000.000 đồng, khai hụi ngày 15/6/2016 (âm lịch), gồm 22 phần bà M tham gia 04 phần, số tiền đã đóng cho bà H là 144.900.000 đồng.
- Hụi 3.000.000 đồng, khai hụi ngày 25/6/2016 (âm lịch), gồm 25 phần bà M tham gia 02 phần, số tiền đã đóng cho bà H là 97.200.000 đồng.
- Hụi 3.000.000 đồng, khai hụi ngày 05/7/2016 (âm lịch), gồm 25 phần bà M tham gia 04 phần, số tiền đã đóng cho bà H là 213.800.000 đồng.
- Hụi 3.000.000 đồng, khai hụi ngày 20/7/2016 (âm lịch), gồm 22 phần bà M tham gia 03 phần, số tiền đã đóng cho bà H là 105.200.000 đồng.

- Hui 1.000.000 đồng, khai hui ngày 20/8/2016 (âm lịch), gồm 23 phần bà M tham gia 04 phần, số tiền đã đóng cho bà H là 53.720.000 đồng.

Bà M tham gia hui với bà H thời gian khoảng 2 năm, đến khoảng tháng 12/2016 thì bà H ngừng hui. Sau khi ngừng hui, bà H còn nợ bà M số tiền hui đã đóng là 1.972.200.000 đồng (một tỷ chín trăm bảy mươi hai triệu hai trăm ngàn đồng). Ngày 28/12/2016, bà H có viết giấy tay thừa nhận còn nợ bà M số tiền hui là 1.972.200.000 đồng do câu chữ không rõ ràng nên ngày 29/8/2017 bà H đã xác nhận lại còn nợ bà số tiền trên và chưa hoàn lại.

Bà Tô Thị Xuân M khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Mỹ H phải trả cho bà số tiền hui còn nợ 1.972.200.000 đồng (một tỷ chín trăm bảy mươi hai triệu hai trăm ngàn đồng), bà không yêu cầu tính lãi trên số tiền này.

Việc bà M và bà Nguyễn Mỹ H giao dịch các dây hui với nhau bà không rõ ông Nguyễn Ngọc C là chồng của bà H có biết hay không, nhưng bà không yêu cầu ông C phải có trách nhiệm cùng bà Nguyễn Mỹ H trả số nợ trên.

Bị đơn bà Nguyễn Mỹ H ủy quyền anh Nguyễn Bảo Q nhưng anh Bảo vắng mặt tại phiên tòa nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Theo nội dung đơn khởi kiện, vào khoảng thời gian từ năm 2015, 2016 bà Tô Thị Xuân M và bà Nguyễn Mỹ H có giao kết với nhau 18 dây hui tổng cộng 45 phần hui. Đến khoảng cuối tháng 12 năm 2016 (âm lịch) thì bà H ngưng hui, ngày 28/12/2016 và ngày 29/8/2017 bà Nguyễn Mỹ H có viết giấy tay xác nhận còn nợ bà Tô Thị Xuân M số tiền 1.972.200.000 đồng (một tỷ chín trăm bảy mươi hai triệu hai trăm ngàn đồng). Bà H không thực hiện đúng thỏa thuận là có nghĩa vụ hoàn lại cho bà M số tiền trên, bà M khởi kiện yêu cầu bà H phải hoàn trả số tiền hui bà đã đóng cho bà H, yêu cầu khởi kiện của bà M là tranh chấp hui được xem xét theo quy định tại Điều 479 Bộ luật dân sự năm 2005, Nghị định 144/2006/NĐ – CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ và khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Ông Nguyễn Bảo Q là người đại diện ủy quyền của bà Nguyễn Mỹ H, anh Q đã được án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Bảo Q.

[3] Nội dung tranh chấp: Theo lời khai của nguyên đơn tại phiên tòa, bà Tô Thị Xuân M và bà Nguyễn Mỹ H có giao dịch 18 dây hui tổng cộng 45 phần số

tiền bà Nguyễn Mỹ H nợ bà M là 1.972.200.000 đồng (một tỷ chín trăm bảy mươi hai triệu hai trăm ngàn đồng), theo tờ giấy xác nhận nợ ngày 28/12/2016.

[4] Xét yêu cầu của bà Tô Thị Xuân M về việc yêu cầu bà Nguyễn Mỹ H trả số tiền hụi còn nợ là 1.972.200.000 đồng (một tỷ chín trăm bảy mươi hai triệu hai trăm ngàn đồng), chứng cứ bà M yêu cầu bà H trả số tiền trên là 01 tờ “giấy thôi vốn hụi” ngày 28/12/2016 và 01 giấy “xác nhận” ngày 29/8/2017.

Xét về hình thức, tờ giấy viết tay do bà Tô Thị Xuân M cung cấp và theo lời khai của nguyên đơn thì tờ giấy này do chính tay bà H viết tại nhà H. Hội đồng xét thấy, về hình thức giao dịch của của hai bên là phù hợp với quy định tại Điều 124 Bộ luật dân sự 2005.

Về nội dung, tờ giấy ngày 28/12/2016 có nội dung thể hiện bà H có thiếu bà M số tiền là 1.972.200.000 đồng (một tỷ chín trăm bảy mươi hai triệu hai trăm ngàn đồng), Hội đồng xét xử có cơ sở khẳng định giao dịch giữa bà Tô Thị Xuân M và bà Nguyễn Mỹ H là có thật, nội dung hai bên giao kết không trái với quy định tại Điều 122 Bộ luật Dân sự 2005.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ, thông báo thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ do bà Tô Thị Xuân M cung cấp. Nhưng bà Nguyễn Mỹ H không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Tô Thị Xuân M cũng như không có yêu cầu phản tố. Căn cứ khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, có cơ sở chấp nhận lời khai, và tờ giấy viết tay mà bà M cung cấp là chứng cứ chứng minh cho yêu cầu hợp pháp của bà M.

Hội đồng xét xử xét thấy, bà Nguyễn Mỹ H đã xác nhận các khoản nợ hụi và đồng ý thoái vốn cho bà M thì phải có nghĩa vụ thanh toán nợ theo quy định tại Điều 290 Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 29 Nghị định 144/2006/NĐ – CP ngày 27/11/2006.

Ghi nhận bà Tô Thị Xuân M không yêu cầu tính lãi đối với số tiền hụi bà Nguyễn Mỹ H còn nợ, kể từ ngày bà H xác nhận nợ 28/12/2016 cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa nguyên đơn không yêu cầu ông Nguyễn Ngọc C có trách nhiệm liên đới với bà Nguyễn Mỹ H trong việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên Hội đồng xét xử không xét đến trách nhiệm liên đới của vợ chồng đối với ông C theo quy định tại Điều 27 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Ông Nguyễn Bảo Q là đại diện ủy quyền của bà H nhưng vắng mặt tại phiên tòa nên không thể đối chất với lời trình bày của phía nguyên đơn, ông Q phải chịu mọi hậu quả pháp lý của việc vắng mặt.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của Tô Thị Xuân M được chấp nhận bà M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Nguyễn Mỹ H phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch số tiền:

$1.972.200.000 \text{ đồng} = 36.000.000 \text{ đồng} + (1.172.200.000 \text{ đồng} \times 3\%) = 71.166.000 \text{ đồng}.$

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 688 và Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 122, 124, 479 và 290 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ Nghị định 144/2006/NĐ – CP ngày 27/11/2006;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Cụ thể tuyên:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tô Thị Xuân M.

Buộc bà Nguyễn Mỹ H có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Tô Thị Xuân M số tiền nợ hui 1.972.200.000 đồng (một tỷ chín trăm bảy mươi hai triệu hai trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc bà Nguyễn Mỹ H phải nộp 71.166.000 đồng (bảy mươi một triệu một trăm sáu mươi sáu ngàn đồng)

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí 35.583.000 đồng (ba mươi lăm triệu năm trăm tám mươi ba ngàn đồng) cho bà Tô Thị Xuân M theo biên lai thu số 0010888 ngày 2/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP B;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS TP B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Thanh Lan